CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Date: 2023.03.28 09:32:48 +07'00'

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Số : 101 / BC - DEIDCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Năm 2022

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400568767
- Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 50.000.000.000 đồng
- Địa chỉ : 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- Số điện thoại : (0236) 3889950 - (0236) 3889954
- Số fax : (0236) 3889957
- Website : Iseebooks.vn
- Mã cổ phiếu : DAD
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng ra đời trên cơ sở thành lập mới, với cổ đông sáng lập chính là Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các cổ đông góp vốn khác, bao gồm tất cả cán bộ công nhân viên của Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Đà Nẵng.

Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08 tháng 06 năm 2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767

- Các sự kiện khác : Không

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại;
- Kinh doanh dịch vụ địa ốc; Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc.
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Dạy nghề; Đào tạo nghề, tin học, ngoại ngữ.
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

- Địa bàn kinh doanh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, KomTum, Phú Yên, Khánh Hòa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị

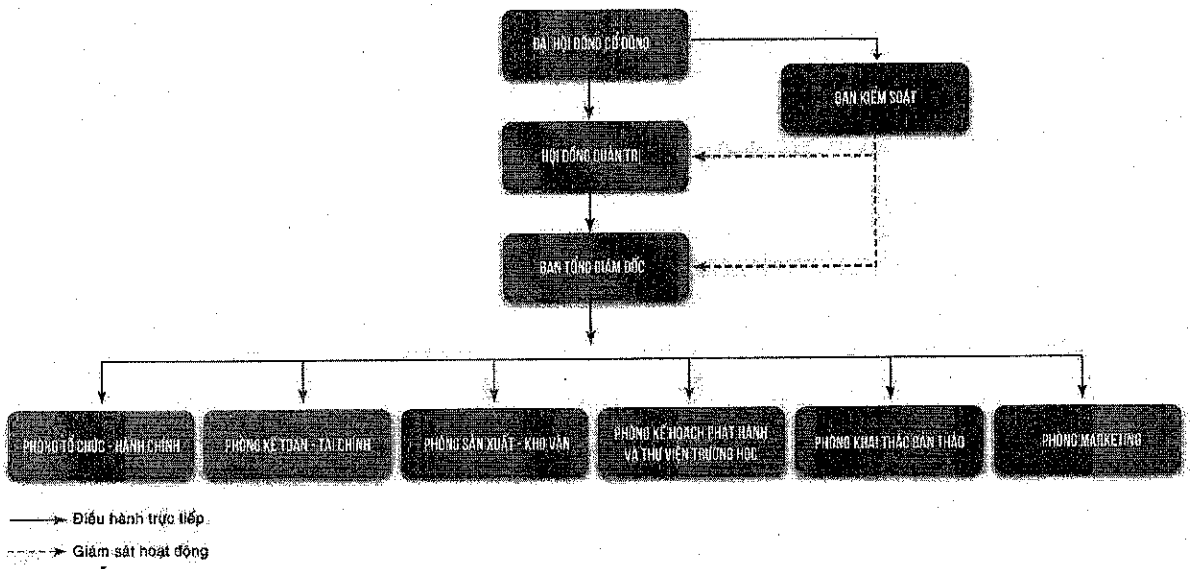

b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Hội đồng quản trị có năm thành viên được Đại hội cổ đông bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2022→2027.

+ Ban kiểm soát gồm ba thành viên được Đại hội cổ đông thường niên bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2022→2027.

+ Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng được hội đồng quản trị Công ty bầu ra có nhiệm kỳ từ năm 2022→2027. Ban Tổng Giám đốc gồm có ba thành viên gồm: Tổng Giám đốc, phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

c. Các công ty con, công ty liên kết:

Nội dung	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ *(tỷ đồng)*	Vốn góp *(tỷ đồng)*	Tỷ lệ sở hữu *(%)*	Ghi chú
CÔNG TY CON: Không						
CÔNG TY LIÊN KẾT						
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng.	Sản xuất, in sách	11	2,53	20%	
CTCP Sách & TB Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định.	Mua bán sách	11,264	2,92	25,92%	

4. Định hướng phát triển

Hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất; mở rộng thị phần; đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của cổ đông và góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty một cách ổn định, bền vững, phải bảo toàn được nguồn vốn và mang lại lợi ích cho cổ đông, đồng thời đảm bảo đời sống cho cán bộ nhân viên.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Ổn định cơ cấu, bộ máy quản lí.
- Tập trung nguồn lực về tài chính, tiếp tục tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao, xây dựng đội ngũ tác giả, chuyên gia, cộng tác viên có kinh nghiệm để tổ chức, phát hành bộ sách giáo khoa mới của NXBGD VN và phát triển các dòng sản phẩm mới theo nhu cầu của thị trường.
- Tiếp tục đầu tư, chi phí nhiều nhưng vẫn gắng giữ vững chỉ tiêu lợi nhuận, cổ tức theo kế hoạch.
- Doanh thu, lợi nhuận đạt được phải đảm bảo lợi ích của người lao động, chi trả cổ tức cho cổ đông và có nguồn tích lũy để tái cơ cấu mở rộng cho những năm tiếp theo.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí, điều hành, sản xuất – kinh doanh để nâng cao hiệu quả lao động, tạo ra các dòng sản phẩm mới được tích hợp với học liệu điện tử có khả năng cạnh tranh cao, chống in lậu.
- Cần chú trọng đến việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu, giữ gìn môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội.
- Tiếp tục cải tiến chế độ trả lương, trả thưởng đối với người lao động cho phù hợp với cơ chế thị trường, gắn quyền lợi với năng suất lao động.
- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần ổn định và phát triển cho người lao động.

c. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương

trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

- Vẫn tập trung phát triển những ngành nghề chủ đạo hiện có của Công ty theo hướng chiều sâu.
- Chuẩn bị mọi nguồn lực về tài chính, nhân sự.
- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường lành mạnh.
- Công ty đã có nhiều năm thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ đối với xã hội và cộng đồng, chung tay chung sức cùng chính quyền thực hiện chương trình hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình các thầy, cô giáo có hoàn cảnh khó khăn; tài trợ cho quỹ trẻ em Việt Nam, trao tặng hàng trăm suất quà và sách vở cho các cháu học sinh nghèo vượt khó, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ các chương trình Giáo dục khác…
- Cấp phát tài liệu hỗ trợ miễn phí cho giáo viên

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,…)

a. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam sẽ phải dè chừng nguy cơ từ xu thế tăng trưởng chậm lại của nền kinh tế Thế giới trong thập niên tới, mâu thuẫn chính trị, chính sách tiền tệ khó dự đoán của các nước, nợ công cao sẽ mang đến những thách lớn khó lường.

Tuy nhiên, ngành giáo dục vẫn là một trong những ngành tiềm năng vì Việt Nam là đất nước có dân số trẻ, nhu cầu đối với giáo dục đào tạo lớn. Đây cũng là một bước chuyển mình trong giai đoạn khó khăn, tiếp cận gần hơn với công nghệ 4.0 trong giáo dục nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại hiện nay và cũng là động lực thúc đẩy nền giáo dục phát triển hòa nhập với xu thế mới của Thế giới.

b. Rủi ro về luật pháp

Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ và Bộ GD&ĐT về đổi mới chương trình và SGK, theo đó sẽ có một chương trình và có nhiều bộ sách giáo khoa được áp dụng từ năm 2020. Vì vậy, trong các năm tiếp theo, nếu DAD không chủ động để nắm bắt, xây dựng chiến lược và kế hoạch nhân sự, phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp với xu thế này thì sẽ bị ảnh hưởng.

c. Rủi ro về môi trường

Quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm của DAD theo đánh giá thì không gây nhiều tác động tiêu cực đến môi trường. Tuy nhiên, nguyên liệu đầu vào chủ yếu trong quá trình sản xuất của DAD lại là giấy và mực in, đây là hai loại nguyên liệu cần sử dụng một lượng lớn các hóa chất có ảnh hưởng đến môi trường để xử lí, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến môi trường. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất cũng cần đến một lượng lớn

nguyên liệu như điện, nước, xăng, dầu... Với nhu cầu ngày càng cao thì nhu cầu sử dụng các nguồn năng lượng trên càng lớn.

Ý thức được vấn đề bảo vệ môi trường, đồng thời hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, DAD ưu tiên sử dụng các nguyên liệu từ sản phẩm tái chế, áp dụng các biện pháp tiết kiệm nguyên liệu.

d. Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Kể từ khi được công bố chính thức vào Tháng 12/2019 thì dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Covid đã và đang có nhiều tác động tiêu cực đến các hoạt động kinh tế xã hội, không chỉ ở Trung Quốc, các quốc gia lân cận mà còn lây lan đến rất nhiều quốc gia trên thế giới. Diễn biến phức tạp trong thời gian gần đây cho thấy thời điểm kiểm soát dịch còn chưa xác định được.

Dịch bệnh khiến cho môi trường chính trị, kinh tế, xã hội toàn cầu càng trở nên bất trắc, thúc đẩy tâm lý phòng vệ, do đó làm suy yếu động lực đầu tư. Như vậy, dịch đã ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu, gây gián đoạn chuỗi cung ứng nhiều sản phẩm hàng hóa của thế giới, đình trệ trong sản xuất kinh doanh, suy giảm nhu cầu tạm thời từ Trung Quốc đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, ảnh hưởng tới tăng trưởng của khu vực và toàn cầu. Việt Nam có đường biên giới dài với Trung Quốc và là trung tâm giao thương sầm uất nên việc tắc biên, tạm ngưng giao thương đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế của Việt Nam.

Thị trường tài chính được coi là hàn thử biểu cho sức khoẻ tài chính của một nền kinh tế và niềm tin, kỳ vọng của nhà đầu tư vào triển vọng sinh lời của các doanh nghiệp và tăng trưởng kinh tế. Những cú sốc tiêu cực như dịch bệnh Covid-19 đưa đến khung cảnh kinh tế ảm đạm, giảm niềm tin của nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, và đưa đến các điều chỉnh sụt giảm. Ở đây, tiêu dùng giảm, hoạt động xuất nhập khẩu gặp khó khăn là các nguyên nhân chính.

e. Rủi ro đặc thù

Nền kinh tế thị trường cùng với việc hội nhập đặt ra cho DAD nhiều những cơ hội cũng như nhiều thách thức mới. Trong quá trình Nhà nước cắt bỏ dần dần cơ chế độc quyền kinh doanh, hoạt động trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt sẽ gây sức ép tới mọi hoạt động của Công ty, buộc Công ty phải luôn đổi mới và có những chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ phù hợp.

Nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt hơn đòi hỏi Công ty phải luôn không ngừng nỗ lực để có thể đứng vững và phát triển. Muốn vậy, Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết và giàu kinh nghiệm. Đây cũng là một trong những rủi ro và thách thức đối với Công ty trong cả hiện tại và tương lai.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỉ lệ % thực hiện so với kế hoạch 2022
1	+ Doanh thu	Tỷ đồng	270,4	369,1	136%
2	+ Lợi nhuận	,,	17,5	19,4	111%
3	+ Cổ tức	%	Tối thiểu 15%	Tối thiểu 15%	

2. Tổ chức và nhân sự

a. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

1. Tổng Giám đốc : **Nguyễn Quang Dũng**
- Chức vụ : Phó chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12/12/1979
- Nơi sinh : Quảng Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 14.800 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

2. Phó Tổng Giám đốc : **Huỳnh Ngọc Bảo**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 11/12/1979
- Nơi sinh : Tỉnh Quảng Ngãi
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 17.600 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

3. Phó Tổng Giám đốc : **Nguyễn Duy Nhâm**
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 07/07/1973
- Nơi sinh : Tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

4. Kế toán trưởng : **Lê Ngọc**

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 30/05/1974
- Nơi sinh : TP Hạ Long
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Số cổ phần nắm giữ : 18.000 cổ phiếu
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

b. Những thay đổi trong Ban điều hành: Bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Nhâm làm Phó tổng giám đốc từ ngày 01/09/2022

c. Số lượng cán bộ, nhân viên:

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã xác định yếu tố con người là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, cùng với việc thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty luôn chú trọng công tác xây dựng và thường xuyên bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Hơn thế nữa, Công ty luôn chăm lo đến mọi mặt về đời sống vật chất cũng như tinh thần cho CBCNV, tạo nên những yếu tố để kích thích nhằm tăng năng suất lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Về cơ cấu tổ chức, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng hiện có:

+ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGĐ và 6 Phòng chuyên môn (gồm: phòng Sản xuất - Kho vận; phòng KHPH & TVTH; phòng Khai thác bản thảo; phòng Kế toán - Tài chính, phòng Tổ chức - Hành chính và phòng Marketing).

+ Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh (sinh hoạt chung với Chi đoàn NXBGD tại TP. Đà Nẵng)

+ Tổng số CBNV: 55 người (6 thạc sĩ, 35 cử nhân, 10 cao đẳng và THCN, 5 THPT);

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2022 Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn.

b. Các công ty liên kết:

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên kết)

đvt: tỷ đồng.

Nội dung	Địa chỉ	Doanh thu năm 2022	Lợi nhuận trước thuế năm 2022
CÔNG TY LIÊN KẾT			
CTCP In và Dịch vụ Đà Nẵng	420 Lê Duẩn, Đà Nẵng	44,8	2,4
CTCP Sách & Thiết bị Bình Định	219 Nguyễn Lữ, Bình Định	74,8	1,8

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	129.602	167.445	29,2
Doanh thu thuần	261.631	366.531	40,1
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	62.247	80.836	29,9
Lợi nhuận khác	2,9	2,1	-29,3
Lợi nhuận trước thuế	18.529	19.406	4,7
Lợi nhuận sau thuế	13.825	14.461	4,6
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	50,6%	48,3%	-4,4

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,71	1,93	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho / Nợ ngắn hạn	2,02	1,34	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,30	0,44	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,42	0,77	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,54	8,21	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,02	2,19	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,15	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,11	0,09	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,07	0,05	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần phổ thông : 5.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phần lưu hành : 4.659.200 cổ phần

Cổ phiếu thường : 5.000.000 cổ phần

Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ : 340.800 cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 03/03/2022, Công ty có cơ cấu cổ đông như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
NHÀ NƯỚC	**2.075.000**	**41,50**
TRONG NƯỚC, *trong đó*	**1.317.396**	**26,35**
+ Tổ chức:	**79**	**0,00**
- Cổ đông lớn	0	0,00
- Cổ đông nhỏ	79	0,00
+ Cá nhân:	**976.517**	**19,53**
- Cổ đông lớn	0	0,00
- Cổ đông nhỏ	976.517	19,53
+ Cổ phiếu quỹ	**340.800**	**6,82**
NGOÀI NƯỚC, trong đó	**1.607.604**	**32,15**
+ Tổ chức:	**1.210.000**	**24,20**
- Cổ đông lớn	863.700	17,27
- Cổ đông nhỏ	346.300	6,93
+ Cá nhân:	**397.604**	**7,95**
- Cổ đông lớn	348.200	6,96
- Cổ đông nhỏ	49.404	0,99
TỔNG CỘNG	**5.000.000**	**100,00**

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: *Không.*

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Cổ phiếu quỹ hiện tại là 340.800 CP, trong năm không giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế sử dụng các sản phẩm, nguyên liệu, vật liệu có thành phần độc hại. Sử dụng nguồn nguyên liệu, vật liệu xanh.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Công ty luôn lựa chọn hợp tác với những nhà cung ứng không chỉ đảm bảo chất lượng sản phẩm thân thiện với người dùng mà còn đạt các tiêu chuẩn về môi trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng đến công tác bảo quản nguồn nguyên vật liệu trong các kho xưởng, đảm bảo đáp ứng mọi tiêu chí cho quá trình bảo quản, không để xảy ra tình trạng thất thoát gây lãng phí nguyên vật liệu.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Sử dụng có hiệu quả các loại năng lượng là một trong những nội dung phát triển bền vững. Công ty đã có nhiều chính sách, hành động để đảm bảo thực hiện mục tiêu đó.

- Tổ chức các đợt kiểm tra, thẩm định định kỳ các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển; thực hiện bảo trì, sửa chữa các hỏng hóc để các tài sản đạt hiệu suất tốt nhất; tiến hành thay thế các thiết bị đã quá lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng mà không cho hiệu quả cao.

- Tuyên truyền, nhắc nhở nội bộ: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng; bật điều hòa ở nhiệt độ không thấp hơn 25°C.

- Thay thế hoàn toàn các bóng đèn dây tóc bằng đèn compact tiết kiệm năng lượng ở khu vực văn phòng và nhà xưởng, kho sách.

- Hưởng ứng phong trào Giờ Trái Đất.

6.4. Tiêu thụ nước:

Công ty nhận thức được nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, Công ty luôn trân trọng giá trị của từng giọt nước, phổ biến việc sử dụng hợp lý đến từng cán bộ nhân viên, góp phần vào công tác bảo vệ nguồn nước chung của Việt Nam và thế giới. Công ty đã thực hiện kiểm tra các rò rỉ của hệ thống nước, khắc phục nhanh chóng các hư hỏng, sử dụng các thiết bị tiết kiệm.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Việc thực hiện trách nhiệm xã hội sẽ giúp các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển bền vững thông qua các hoạt động như tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm, tái chế chất thải, tiết kiệm tài nguyên... Công ty cam kết luôn thực hiện đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cán bộ nhân viên công ty tích cực tham gia các phong trào vì môi trường do Công ty và chính quyền địa phương tổ chức.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

+ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: 55 người.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 18 triệu đồng/ người.

+ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, Công ty thanh toán đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Ngoài ra, để người lao động có sức khỏe tốt và yên tâm làm việc, Công ty còn tổ chức khám chữa bệnh định kì cho tất cả CBCNV.

+ Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Năm 2022, công ty đã chú trọng đến hoạt động xã hội, từ thiện xem đó là trách nhiệm của doanh nghiệp. Tổng mức kinh phí để cho hoạt động này khoảng 598 triệu đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

***Các chỉ tiêu tài chính năm 2022**

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Tỉ lệ% so với	
				Kế hoạch	Thực hiện	TH 2021	KH 2022
1	Vốn điều lệ	Tỉ đồng	50	50	50	100,00	100,00
2	Vốn cổ phiếu quỹ	Tỉ đồng	3,4	3,4	3,4	100,00	100,00
3	Vốn cổ phiếu lưu hành	Tỉ đồng	46,6	46,6	46,6	100,00	100,00
4	Doanh thu	Tỉ đồng	264,5	270,4	369,1	139,51	136,46
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	18,53	17,5	19,4	104,70	110,86
6	Tỉ suất LN / VĐL	%	37	35	39	105,41	111,43
7	Tỉ suất LN / Vốn CP lưu hành	%	40	38	42	105,00	110,53
8	Vốn tích lũy	Tỉ đồng	35,7	-	38,1	106,72	-
9	Cổ tức	%	15	15	15	-	-
10	Thu hồi công nợ	%	90,4	90	95,5	105,64	106,11

Với quyết tâm hoàn thành kế hoạch mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao phó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đưa ra nhiều phương án thực hiện, triển khai kế hoạch, phản ứng kịp thời. Bằng việc nắm chắc các cơ hội, tận dụng thế mạnh nội tại, năm 2022, Công ty đã nỗ lực tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận ổn định. Cụ thể, tổng doanh thu của Công ty đạt giá trị 369,1 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế ghi nhận giá trị 19,4 tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 10,86% so với kế hoạch ĐHĐCĐ đã đề ra.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Tổng tài sản trong năm 2022 của Công ty tăng 29% so với năm 2021. Các khoản phải thu trong năm là 25,89 tỷ đồng, giảm hơn 3 tỷ so với năm 2021 (tương ứng mức giảm 10,6%) là nhờ việc tăng cường công tác thu hồi công nợ, đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Doanh thu trong năm 2022 tăng 39,5% so với năm trước.

b. Tình hình nợ

Tình hình nợ hiện tại đã có những biến động như sau: Nợ ngắn hạn của Công ty thời điểm cuối năm 2022 là 72.989 triệu đồng, tăng 34.678 triệu đồng (tương ứng 90,5% so với đầu năm). Doanh thu trong năm 2022 tăng 39,5% so với năm 2021. Trong năm 2022 vẫn còn một số khoản nợ phải thu quá hạn, công ty cũng đã có biện pháp trích dự phòng cho các khoản nợ quá hạn. Công ty không có các khoản nợ bằng ngoại tệ nên không bị ảnh hưởng bởi chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trước thách thức trong tình hình thị trường chung, Ban điều hành Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2022 như sau:

+ Công ty đã nâng cao hiệu quả quản trị hàng tồn kho, giảm lượng thành phẩm, hàng hóa ứ đọng, khó tiêu thụ.

+ Công ty cũng tiến hành cử các đoàn công tác đến các tỉnh nhằm giới thiệu, tập huấn cho giáo viên về chương trình sách giáo khoa mới, đồng thời quảng bá các ấn phẩm mang thương hiệu DEIDCO đến đông đảo người dùng.

+ Công ty đã tạo điều kiện tốt nhất phát triển nguồn nhân lực Công ty đề bạt, bổ nhiệm các cán bộ có đầy đủ phẩm chất, năng lực vào bộ máy quản lý Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

a. Chỉ tiêu số lượng

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2023
1	**Xuất bản**	**Đề tài**	**83**
1.1	Sách tái bản	Đề tài	43
1.2	Sách in mới (kể cả liên kết xuất bản)	Đề tài	40
2	**In và phát hành**	**Bản**	**26.939.000**
2.1	SBT.SGK	Bản	22.057.000
2.2	SGK tự chọn	Bản	3.700.000
2.3	SBT MR, STK, SP khác	Bản	1.182.000

b. Chỉ tiêu giá trị

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu	Đồng	384,8
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	18,5
3	Tỉ suất lợi nhuận trên VĐL	%	35%
4	Tỉ lệ cổ tức	%	Tối thiểu 15%

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Công ty luôn cam kết thực hiện:

• Xây dựng kế hoạch cung ứng và quản lý vật tư một cách chặt chẽ, tránh để xảy ra tình trạng lãng phí, dư thừa giấy và mực in trong quá trình in ấn.

• Tuân thủ pháp luật và đảm bảo các tiêu chí vệ sinh tác động đến môi trường của Công ty.

• Tăng cường kiểm soát, giám sát, xây dựng biện pháp phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường.

• Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.

• Thực hiện kiểm soát sử dụng và nâng cao giải pháp tiết kiệm điện năng, tiến hành thay bóng đèn huỳnh quang bằng bóng đèn led để tiết kiệm chi phí điện năng.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Kiện toàn bộ máy tổ chức lao động hợp lí để phát huy tốt nguồn lực hiện nay. Tổ chức hoạt động, vận hành bộ máy Công ty theo các quy chế của Công ty:

Quy chế nội bộ, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể,...

Tổ chức nâng lương định kỳ hàng năm cho người lao động; Giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật, của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các quy định nội bộ của Công ty. Tiếp tục cải tiến quy định về lương sản phẩm đảm bảo khích lệ CBCNV đóng góp nhiều hưởng nhiều.

Bổ sung nhân sự cho bộ phận tổ chức bản thảo có đủ chuyên môn, nghiệp vụ để tổ chức bản thảo theo chương trình mới.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, Công ty thường xuyên chăm lo và thực hiện công tác xã hội, từ thiện, hỗ trợ ngành giáo dục các địa phương trên địa bàn được phân công phụ trách thông qua việc tặng sách, đồ dùng học tập cho các thư viện trường học, trao học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ xây dựng nhà tình nghĩa cho giáo viên có hoàn cảnh khó khăn. Tổng giá trị thực hiện công tác xã hội, từ thiện và hỗ trợ ngành giáo dục các tỉnh trên địa bàn miền Trung trong năm 2022 là khoảng 598 triệu đồng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng nhờ có sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Ban lãnh đạo Nhà xuất bản Giáo dục Đà Nẵng; Sự kết hợp và hỗ trợ của các đơn vị thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Cùng với sự đoàn kết, sáng tạo, phấn đấu của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã tiếp tục vượt qua những khó khăn, phát huy tốt các nguồn lực và có được bước đi thích hợp: Hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị; Giữ vững, tăng trưởng được số lượng phát hành, doanh thu, cổ tức của cổ đông và nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động; Cơ sở vật chất được ổn định và phát huy hiệu quả sử dụng; Uy tín cổ phiếu DAD trên sàn chứng khoán đã được củng cố.

Trong các cuộc họp định kỳ và bất thường, HĐQT đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành. Tổng giám đốc cũng thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động, các khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành, quản trị Công ty.

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.

a. Hoạt động năm 2022 như sau:

- Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 như sau

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022		Tỉ lệ % so với kế hoạch 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Doanh thu	Tỉ đồng	270,4	369,1	137
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	17,5	19,4	111
3	Cổ tức	%	Tối thiểu 15%	15%	-

- Chi trả cổ tức

Trong năm 2022, công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức 15% của năm 2021 và HĐQT đã thông qua phương án tạm ứng trả cổ tức 2022 với tỉ lệ 15%.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động và nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT đã sát cánh cùng Ban Tổng giám đốc (BTGĐ) kịp thời đưa ra các quyết sách linh hoạt để đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn – hiệu quả bền vững của Công ty. HĐQT theo dõi, giám sát và hỗ trợ BTGĐ trước những khó khăn vướng mắc, phát huy trách nhiệm cá nhân của các thành viên HĐQT. Nhờ có sự hỗ trợ và giám sát chặt chẽ đó nên các vấn đề lớn, các phát sinh nghiệp vụ phức tạp thuộc chức trách thẩm quyền của HĐQT đều được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả. Sự phối hợp với BKS trong kiểm tra giám sát cũng được HĐQT quan tâm thực hiện, các báo cáo giám sát của BKS đều được phân tích kỹ lưỡng và chỉ đạo đề ra biện pháp khắc phục.

Đánh giá chung, BTGĐ Công ty đã tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD theo nội dung chỉ đạo của HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ. Trong quá trình triển khai, BTGĐ thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình SXKD cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Để phát huy những thành tích đã đạt được trong thời gian qua, BTGĐ cần nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2023

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số chỉ tiêu chính kế hoạch năm 2023, cụ thể như sau:

- Doanh thu : 385 tỉ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 18,5 tỉ đồng
- Cổ tức : 15%

- Quỹ đầu tư phát triển	:	5% lợi nhuận sau thuế
- Thù lao HĐQT, BKS	:	5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng	:	10% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ phúc lợi	:	10% lợi nhuận sau thuế

b. Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2023 cho Ban điều hành Công ty

• Phát huy các ưu điểm, kết quả đạt được trong năm 2022 và thẳng thắn nhìn nhận các tồn tại, khuyết điểm để khắc phục trong năm 2023 nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả công việc của từng CBNV, của từng phòng và của Công ty. Nghiêm túc thực hiện tiến độ công việc theo từng tháng, từng quý và đảm bảo hoàn thành kế hoạch đề tài theo kế hoạch.

• Triển khai xây dựng đội ngũ tác giả, kế hoạch đề tài theo Chương trình giáo dục phổ thông mới đã ban hành. Tăng cường quan hệ hợp tác với các Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh để tìm kiếm, đề xuất đề tài sách tại các địa phương. Tổ chức biên soạn Sách giáo khoa địa phương tại TP. Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình lớp 4, lớp 8, lớp 11 theo phân công của NXBGDVN.

• Thực hiện việc cung ứng vật tư theo quy định của NXBGDVN và tăng cường công tác KCS sách nhập kho để đảm bảo đúng chất lượng cung ứng ra thị trường; Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng quản lí các kho sách, vật tư không để tình trạng thiếu xảy ra. Làm việc với các nhà cung ứng vật tư, các nhà in, xưởng cắt rọc về kế hoạch nhập kho theo từng giai đoạn đảm bảo vật tư đủ đáp ứng nhu cầu in gia công, in đấu thầu.

• Đánh giá và dự báo nhu cầu thị trường - in - phát hành để đảm bảo việc tồn kho an toàn nhất; Gắn chặt chẽ với việc chỉ đạo chuyên môn của Lãnh đạo và các Phòng chuyên môn của các Sở Giáo dục và Đào tạo tại khu vực miền Trung; Tổ chức việc phát hành sách đến trường học thông qua hệ thống; Có biện pháp cải thiện kết quả phát hành SBT và STC tại các tỉnh có tỉ lệ bình quân thấp.

• Đa dạng hóa các sản phẩm của công ty qua hình thức liên kết phát hành các sản phẩm của các đơn vị thành viên NXBGDVN.

• Tổ chức các Hội thảo giới thiệu, tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 4, 8, 11 của NXBGDVN theo chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 theo phân công của NXBGDVN, cụ thể: Tổ chức Hội thảo giới thiệu sách giáo khoa lớp 4, 8, 11 tại 06 tỉnh, thành phố gồm: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi. Riêng Hội thảo giới thiệu sách giáo khoa Tiếng Anh lớp 4, 8, 11 tổ chức tại tất cả 11 tỉnh thuộc khu vực miền Trung – Tây Nguyên.

• Tổ chức biên soạn tài liệu Giáo dục địa phương tại 04 tỉnh, thành phố theo phân công của NXBGDVN gồm: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình. Trong

thời gian tới, Công ty sẽ gửi tên đề tài theo đề xuất của các tỉnh để NXBGVN cấp phép xuất bản.

c. Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023

- Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của BĐH và bộ máy giúp việc Công ty
- Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2023, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động SXKD.

IV. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Tại ngày 31/12/2022):

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần (%)	Chức danh tại Công ty khác
1	Đặng Thanh Hải	CT.HĐQT	0	
2	Nguyễn Quang Dũng	PCT.HĐQT - Tổng Giám Đốc	0,30	
3	Ông Thừa Phú	UV.HĐQT	0	Giám đốc NXBGD tại TP. Đà Nẵng
4	Nguyễn Lê Văn	UV.HĐQT	0	Chủ tịch HĐQT Công ty CP NVN Việt Nam
5	Lê Ngọc	UV.HĐQT	0,36	
	Tổng cộng		**0,66**	

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Không có tiểu ban

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	31/03/2022	7/7	100%	
2	Nguyễn Quang Dũng	P. Chủ tịch	31/03/2022	7/7	100%	
3	Ông Thừa Phú	Uỷ viên	31/03/2022	5/7	71%	Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2022
4	Phạm Thị Thu Hương	Uỷ viên	20/05/2017	2/7	29%	Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2022
5	Nguyễn Lê Văn	Uỷ viên	31/03/2022	7/7	100%	
6	Lê Ngọc	Ủy viên	31/03/2022	7/7	100%	

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm: ông Ông Thừa Phú bổ nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT vào ngày 31/03/2022 thay cho bà Phạm Thị Thu Hương miễn nhiệm chức vụ Ủy viên HĐQT vào ngày 31/03/2022

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các Nghị quyết, Quyết định:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	25/NQ-HĐQT-DEIDCO	10/02/2022	- Thông qua việc chọn ngày tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2022 - Thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt năm 2021
2	02/NQ-DEIDCO	16/02/2022	- Thông qua các nội dung xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2022
3	06/NQ-DEIDCO	31/03/2022	- Bầu ông Đặng Thanh Hải giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty. - Bầu ông Nguyễn Quang Dũng giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty - Bổ nhiệm ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
4	08/NQ-DEIDCO	31/03/2022	- Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại NH TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	10/NQ-DEIDCO	31/03/2022	- Đồng ý việc vay vốn và nhu cầu tín dụng khác tại NH TMCP Công Thương Việt Nam – CN Bắc Đà Nẵng
6	14/NQ-DEIDCO	14/07/2022	- Bổ nhiệm ông Hoàng Quốc Hiệp là người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty

2. Ban Kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu thành viên BKS	Tỷ lệ sở hữu CP có biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu chứng khoán khác
1	Trần Công Thanh	Trưởng ban	31/03/2022	0	0
2	Huỳnh Thanh Long	Uỷ viên	31/03/2022	0	0
3	Phạm Minh Nhật	Uỷ viên	31/03/2022	0	0

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của BKS:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trần Công Thanh	Trưởng ban	2/3	67%	Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2022
2	Huỳnh Thanh Long	Uỷ viên	2/3	67%	Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2022
3	Phạm Minh Nhật	Uỷ viên	2/3	67%	Bổ nhiệm từ ngày 31/03/2022
4	Hồ Phú Cường	Trưởng ban	1/3	33%	Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2022
5	Đặng Công Đức	Uỷ viên	1/3	33%	Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2022
6	Hồ Đoàn Thiên Kim	Uỷ viên	1/3	33%	Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2022

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	CHỨC VỤ	THÙ LAO
1	Chủ tịch HĐQT	4.000.000 đ/tháng
2	Phó chủ tịch HĐQT	3.000.000 đ/tháng
3	Ủy viên HĐQT	2.000.000 đ/tháng
4	Trưởng BKS	1.500.000 đ/tháng
5	Ủy viên BKS	500.000 đ/tháng
6	Thư ký HĐQT	1.000.000 đ/tháng

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: *Không có*

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Mua hàng	**Năm 2022**	**Năm 2021**
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	184.870.539.124	91.267.839.431
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	6.365.185.492	4.887.998.125
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	200.214.580	325.786.586
Công ty Cổ Phần in và dịch vụ Đà Nẵng	2.065.367.653	1.462.015.441

Bán hàng	**Năm 2022**	**Năm 2021**
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	11.866.552.662	12.007.651.071
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	561.036.500	758.569.223
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	1.099.856.342	469.170.223

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Đã hoạt động đúng pháp luật và các quy định về quản trị của Công ty

V. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Địa chỉ : Lô 78-80, đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 24/02/2023 của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập

và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính..

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Phụ lục báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 đính kèm)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0400568767 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Q. HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

NGUYỄN QUANG DŨNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
Date: 2023.03.16 10:39:03 -07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC **Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 1 - 3

Báo cáo kiểm toán độc lập 4

Báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán 5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 145 Lê Lợi, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (0236) 3889954
- Fax: (0236) 3889957
- Website: www.iseebooks.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 55 người, trong đó cán bộ quản lý là 9 người.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Ông Thừa Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Bà Lê Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 31/03/2022
• Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Kiểm soát

• Ông Trần Công Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Huỳnh Thanh Long	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Phạm Minh Nhật	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
• Ông Đặng Công Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022
• Bà Hồ Đoàn Thiên Kim	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017 Miễn nhiệm ngày 31/03/2022

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017
• Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26/03/2020
• Ông Nguyễn Duy Nhâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/09/2022
• Bà Lê Ngọc	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20/05/2017

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 302/2023/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 15/03/2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc	**Phan Văn Sĩ – Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4040-2022-010-1*

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**140.650.881.538**	**103.934.994.447**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**53.910.282.199**	**28.771.438.999**
1. Tiền	111		1.927.516.244	2.871.438.999
2. Các khoản tương đương tiền	112		51.982.765.955	25.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**15.080.600.000**	**16.149.600.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6a	4.237.145.000	4.237.145.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6a	(156.545.000)	(87.545.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6b	11.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**25.888.755.749**	**28.955.185.908**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7a	21.337.626.114	28.511.669.720
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	4.996.219.395	439.690.573
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	830.610.918	1.699.033.590
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.275.700.678)	(1.708.629.651)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	13.421.676
IV. Hàng tồn kho	**140**	**11**	**43.096.373.082**	**26.504.585.897**
1. Hàng tồn kho	141		66.031.740.922	44.338.038.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.935.367.840)	(17.833.452.120)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.674.870.508**	**3.554.183.643**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12a	2.674.870.508	3.554.183.643
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**26.794.320.038**	**25.666.571.453**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**19.689.169.438**	**18.492.216.937**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	11.812.490.438	10.569.541.937
- Nguyên giá	*222*		*23.048.916.756*	*20.370.416.756*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(11.236.426.318)*	*(9.800.874.819)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	7.876.679.000	7.922.675.000
- Nguyên giá	*228*		*8.114.999.000*	*8.114.999.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(238.320.000)*	*(192.324.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**6.799.500.000**	**6.799.500.000**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	6c	5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6c	1.350.000.000	1.350.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**305.650.600**	**374.854.516**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12b	305.650.600	374.854.516
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**167.445.201.576**	**129.601.565.900**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**72.989.761.413**	**38.311.630.918**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**72.989.761.413**	**38.311.630.918**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15a	34.440.473.113	16.525.544.613
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	2.060.111.432	1.144.191.909
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.612.864.407	1.792.723.796
4. Phải trả người lao động	314		5.314.287.365	2.424.852.259
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	28.448.415.800	15.666.372.079
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	31.132.200	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	28.803.025	39.297.700
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.053.674.071	718.648.562
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**94.455.440.163**	**91.289.934.982**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**94.455.440.163**	**91.289.934.982**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*50.000.000.000*	*50.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	21	(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	9.223.769.290	8.500.731.821
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	38.139.031.840	35.696.564.128
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*28.016.507.280*	*25.327.711.412*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*10.122.524.560*	*10.368.852.716*
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**167.445.201.576**	**129.601.565.900**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	402.975.025.821	270.645.387.098
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	36.444.032.465	9.014.021.961
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		366.530.993.356	261.631.365.137
4.	Giá vốn hàng bán	11	24	285.695.445.644	199.384.834.127
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**80.835.547.712**	**62.246.531.010**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	2.582.142.759	2.852.075.977
7.	Chi phí tài chính	22	26	526.199.561	544.293.156
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	*137.565.704*
8.	Chi phí bán hàng	25	27	40.406.184.276	30.070.012.842
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	23.081.601.236	15.957.867.033
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**19.403.705.398**	**18.526.433.956**
11.	Thu nhập khác	31		2.159.018	9.263.775
12.	Chi phí khác	32		83.638	6.319.395
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**2.075.380**	**2.944.380**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**19.405.780.778**	**18.529.378.336**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	4.945.031.406	4.704.241.379
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**14.460.749.372**	**13.825.136.957**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.328	2.225
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.328	2.225

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		364.082.777.313	245.359.909.176
Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(306.709.391.654)	(215.518.662.623)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(12.342.515.696)	(13.449.180.599)
Tiền lãi vay đã trả	04		-	(137.565.704)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	17	(4.823.556.103)	(4.022.349.721)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		718.749.180	585.014.540
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(9.825.383.045)	(6.499.499.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**31.100.679.995**	**6.317.666.027**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13	(2.678.500.000)	(776.286.256)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	6b	(11.000.000.000)	(20.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	6b	12.000.000.000	22.749.647.100
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,25	2.705.463.205	2.178.980.574
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**1.026.963.205**	**4.152.341.418**
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	64.111.427.940
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(64.111.427.940)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21e	(6.988.800.000)	(6.988.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(6.988.800.000)**	**(6.988.800.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**25.138.843.200**	**3.481.207.445**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	28.771.438.999	25.290.231.554
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**5**	**53.910.282.199**	**28.771.438.999**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp) số 3203001382 ngày 04/04/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 08/06/2017 với mã số doanh nghiệp là 0400568767.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ – SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: In và phát hành sách.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- In ấn. Chi tiết: Tổ chức liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách bổ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2022 Công ty có hai Công ty liên kết là:

- Công ty Cổ phần In & Dịch vụ Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gởi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Website	5

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ.

- Tiền thuê đất đã trả trước cho toàn bộ thời gian thuê và các chi phí liên quan được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến các khoản lãi vay phải trả, các khoản hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là các khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh tại Công ty là hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính. Chi phí tài chính của Công ty gồm: chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán cho người mua, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Đối với sản phẩm sách giáo khoa và sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
  - ✓ Đối với sản phẩm sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa và thiết bị giáo dục: Áp dụng thuế suất là 5%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Đối với sản phẩm lịch các loại và văn phòng phẩm: Áp dụng thuế suất là 10%. Từ 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022, Công ty được giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng theo quy định tại Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	2.509.000	93.402.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.925.007.244	2.778.036.999
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	51.982.765.955	25.900.000.000
Cộng	**53.910.282.199**	**28.771.438.999**

6. Đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu niêm yết (*)						
- Công ty CP Sách và TBTH TP.HCM (STC)	408.545.000	252.000.000	156.545.000	408.545.000	321.000.000	87.545.000
- Công ty CP Sách GD tại TP Đà Nẵng (DAE)	3.828.600.000	4.738.140.000	-	3.828.600.000	5.503.900.000	-
Cộng	**4.237.145.000**	**4.990.140.000**	**156.545.000**	**4.237.145.000**	**5.824.900.000**	**87.545.000**

(*) Chứng khoán kinh doanh được đánh giá lại theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá giao dịch trên thị trường. Theo đó, đối với các chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch chứng khoán thì giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng và có thời gian còn lại không quá 12 tháng	11.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	**11.000.000.000**	**12.000.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2022			01/01/2022		
	Tỷ lệ vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	-		5.449.500.000	-	
- Công ty CP In & Dịch vụ Đà Nẵng (1)	*20%*	*2.530.000.000*	-		*2.530.000.000*	-	
- Công ty CP Sách & TB Bình Định (BDB) (2)	*25,92%*	*2.919.500.000*	-	*3.153.060.000*	*2.919.500.000*	-	*3.707.765.000*
Đầu tư vào đơn vị khác		1.350.000.000	-		*1.350.000.000*	-	
- Công ty CP DV Xuất bản GD Đà Nẵng (3)	*8,76%*	*350.000.000*	-		*350.000.000*	-	
- Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam (SMN) (4)	*2,27%*	*1.000.000.000*	-	*1.300.000.000*	*1.000.000.000*	-	*1.370.000.000*
Cộng		**6.799.500.000**	-		**6.799.500.000**	-	

Tất cả các Công ty nhận đầu tư đều không có lỗ lũy kế, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(1), (3) Các cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của các cổ phiếu này tại thời điểm 31/12/2022. Do đó, Công ty không có cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn này.

(2), (4) Cổ phiếu của các công ty này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo đó, giá trị hợp lý của cổ phiếu này được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

7. Phải thu của khách hàng

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	4.738.415.448	6.590.072.937
Công ty TNHH Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Nam	2.905.072.428	1.872.093.126
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Phú Yên	2.388.295.960	1.007.589.300
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thừa Thiên Huế	3.406.797.450	3.883.877.511
Các đối tượng khác	7.899.044.828	15.158.036.846
Cộng	**21.337.626.114**	**28.511.669.720**

b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	2.009.364.646	3.224.681.585
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	207.972.805	251.556.886
Cộng	**2.217.337.451**	**3.476.238.471**

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Nhà máy in Bộ Quốc Phòng	4.206.450.207	-
Các đối tượng khác	789.769.188	439.690.573
Cộng	**4.996.219.395**	**439.690.573**

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	551.280.146	-	1.267.576.056	-
Phải thu khác (lãi dự thu)	279.330.772	-	431.457.534	-
Cộng	**830.610.918**	**-**	**1.699.033.590**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022	01/01/2022
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	1.275.700.678	1.708.629.651
- Trên 3 năm	*1.213.949.044*	*1.592.795.290*
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	*61.751.634*	*18.637.150*
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	*87.436.388*
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	*9.760.823*
Cộng	**1.275.700.678**	**1.708.629.651**

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.081.501.799	-	3.467.021.194	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.827.281.020	-	17.899.330.673	-
Thành phẩm	51.122.958.103	22.935.367.840	22.971.686.150	17.833.452.120
Cộng	**66.031.740.922**	**22.935.367.840**	**44.338.038.017**	**17.833.452.120**

Không có hàng tồn kho đang thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2022.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	2.615.496.286	3.523.851.826
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.597.222	30.331.817
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	57.777.000	-
Cộng	**2.674.870.508**	**3.554.183.643**

b. Dài hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp Hòa Cầm (*)	305.650.600	374.854.516
Cộng	**305.650.600**	**374.854.516**

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu Công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/09/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/05/2027.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	15.491.542.983	4.248.609.091	630.264.682	20.370.416.756
Mua sắm trong năm	-	2.636.600.000	41.900.000	2.678.500.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	**15.491.542.983**	**6.885.209.091**	**672.164.682**	**23.048.916.756**
Khấu hao				
Số đầu năm	6.972.761.320	2.265.345.317	562.768.182	9.800.874.819
Khấu hao trong năm	796.164.000	564.907.000	74.480.499	1.435.551.499
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	**7.768.925.320**	**2.830.252.317**	**637.248.681**	**11.236.426.318**
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.518.781.663	1.983.263.774	67.496.500	10.569.541.937
Số cuối năm	**7.722.617.663**	**4.054.956.774**	**34.916.001**	**11.812.490.438**

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 2.219.159.273 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố thế chấp, đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2022.

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.799.999.000	315.000.000	8.114.999.000
Mua sắm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	**7.799.999.000**	**315.000.000**	**8.114.999.000**
Khấu hao			
Số đầu năm	-	192.324.000	192.324.000
Khấu hao trong năm	-	45.996.000	45.996.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	-	**238.320.000**	**238.320.000**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.799.999.000	122.676.000	7.922.675.000
Số cuối năm	**7.799.999.000**	**76.680.000**	**7.876.679.000**

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có nguyên giá 7.799.999.000 đồng tại 145-147 Lê Lợi, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng hiện sử dụng làm trụ sở Công ty.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 85.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	4.939.606.094	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	17.738.582.529	3.729.653.171
Các đối tượng khác	11.762.284.490	12.795.891.442
Cộng	**34.440.473.113**	**16.525.544.613**

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022	01/01/2022
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	17.738.582.529	3.729.653.171
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	4.939.606.094	-
Công ty CP Sách và TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	896.779.581	173.574.098
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.409.791.746	2.004.853.110
Công ty CP Sách Dịch và Từ điển giáo dục	23.264.000	23.264.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	197.632.034	392.423.135
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	16.125.450	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	390.019.319	314.039.341
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	191.045.600	226.440.500
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	382.729.730	554.773.700
Cộng	**27.185.576.083**	**7.419.021.055**

16. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Crown Worldwide	316.800.000	316.800.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	1.474.067.899	42.668.976
Các đối tượng khác	269.243.533	784.722.933
Cộng	**2.060.111.432**	**1.144.191.909**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	110.708.673	951.745.312	992.431.580	70.022.405
Thuế thu nhập doanh nghiệp	807.812.751	4.945.031.406	4.823.556.103	929.288.054
Thuế thu nhập cá nhân	874.202.372	1.220.169.563	1.480.817.987	613.553.948
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**1.792.723.796**	**7.119.946.281**	**7.299.805.670**	**1.612.864.407**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Phí quản lý xuất bản, tổ chức bản thảo, bản quyền	28.448.415.800	15.666.372.079
Cộng	**28.448.415.800**	**15.666.372.079**

19. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
Doanh thu nhận trước tiền thuê kho	31.132.200	-
Cộng	**31.132.200**	**-**

20. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho chủ sở hữu	320.000	320.000
Phải trả khác	28.483.025	38.977.700
Cộng	**28.803.025**	**39.297.700**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2021	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**7.809.474.973**	**32.316.511.412**
Tăng trong năm	-		691.256.848	13.825.136.957
Giảm trong năm	-	-	-	10.445.084.241
Số dư tại 31/12/2021	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**8.500.731.821**	**35.696.564.128**
Số dư tại 01/01/2022	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**8.500.731.821**	**35.696.564.128**
Tăng trong năm	-	-	723.037.469	14.460.749.372
Giảm trong năm	-	-	-	12.018.281.660
Số dư tại 31/12/2022	**50.000.000.000**	**(2.907.360.967)**	**9.223.769.290**	**38.139.031.840**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	**50.000.000.000**	**50.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*5.000.000*	*5.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
- Cổ phiếu phổ thông	*340.800*	*340.800*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
- Cổ phiếu phổ thông	*4.659.200*	*4.659.200*
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	35.696.564.128	32.316.511.412
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	14.460.749.372	13.825.136.957
Phân phối lợi nhuận	12.018.281.660	10.445.084.241
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.680.056.848	6.988.800.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	*691.256.848*	-
- Chia cổ tức cho các cổ đông	*6.988.800.000*	*6.988.800.000*
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay (*)	4.338.224.812	3.456.284.241
- Trích quỹ đầu tư phát triển (5%)	*723.037.469*	*691.256.848*
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	*2.892.149.874*	*2.073.770.545*
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (5%)	*723.037.469*	*691.256.848*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	**38.139.031.840**	**35.696.564.128**

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 và tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 04/NQ-DEIDCO ngày 31/03/2022.

e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 04/NQ-DEIDCO ngày 31/03/2022 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 15%/vốn điều lệ (tương ứng: 6.988.800.000 đồng). Theo đó, Công ty chốt danh sách cổ đông vào ngày 03/03/2022 và đã chi trả cổ tức trong năm.

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng doanh thu	402.975.025.821	270.645.387.098
+ Doanh thu sách bổ trợ, sách giáo khoa	*379.177.058.978*	*244.467.510.844*
+ Doanh thu sách tham khảo	*17.260.164.383*	*19.459.821.869*
+ Doanh thu hoạt động khác	*6.537.802.460*	*6.718.054.385*
Cộng	**402.975.025.821**	**270.645.387.098**

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2022	Năm 2021
Hàng bán bị trả lại	36.444.032.465	9.014.021.961
+ Hàng bán bị trả lại sách bổ trợ, sách giáo khoa	*35.571.758.758*	*7.945.362.078*
+ Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	*869.493.860*	*1.054.680.271*
+ Hàng bán bị trả lại khác	*2.779.847*	*13.979.612*
Cộng	**36.444.032.465**	**9.014.021.961**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn hàng bán	280.593.529.924	192.324.314.980
+ Giá vốn sách bổ trợ, sách giáo khoa	*261.466.147.442*	*171.132.622.481*
+ Giá vốn sách tham khảo	*13.609.419.263*	*16.307.336.835*
+ Giá vốn hoạt động khác	*5.517.963.219*	*4.884.355.664*
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.101.915.720	7.060.519.147
Cộng	**285.695.445.644**	**199.384.834.127**

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.566.226.443	1.238.101.404
Chiết khấu thanh toán nhanh	28.806.316	678.492.073
Cổ tức, lợi nhuận được chia	987.110.000	935.482.500
Cộng	**2.582.142.759**	**2.852.075.977**

26. Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí lãi vay	-	137.565.704
Chiết khấu thanh toán	457.199.561	640.037.452
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	69.000.000	(233.310.000)
Cộng	**526.199.561**	**544.293.156**

27. Chi phí bán hàng

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	8.003.396.588	5.057.452.880
Chi phí nhân viên bán hàng	8.854.187.771	7.490.684.798
Chi phí hoa hồng môi giới	682.057.250	1.702.052.008
Các khoản khác	22.866.542.667	15.819.823.156
- Chi phí khấu hao	*470.900.002*	*690.448.528*
- Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	*8.720.681.115*	*8.952.125.196*
- Chi phí tuyên truyền quảng cáo, giới thiệu sách, tập huấn,...	*11.961.016.964*	*4.216.745.621*
- Chi phí khác	*1.713.944.586*	*1.960.503.811*
Cộng	**40.406.184.276**	**30.070.012.842**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí giao dịch, hội nghị, khánh tiết	5.903.684.483	3.751.307.021
Chi phí nhân viên quản lý	8.856.652.796	7.488.934.698
Các khoản khác	8.321.263.957	4.717.625.314
- Chi phí khấu hao	*1.010.647.497*	*845.112.000*
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	*(432.928.973)*	*10.743.204*
- Chi phí khác	*7.743.545.433*	*3.861.770.110*
Cộng	**23.081.601.236**	**15.957.867.033**

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.405.780.778	18.529.378.336
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	5.319.376.250	4.991.828.559
Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)	6.306.486.250	5.927.311.059
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	987.110.000	935.482.500
Tổng thu nhập chịu thuế	24.725.157.028	23.521.206.895
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**4.945.031.406**	**4.704.241.379**

30. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.460.749.372	13.825.136.957
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(3.615.187.343)	(3.456.284.241)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát)	*3.615.187.343*	*3.456.284.241*
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.845.562.029	10.368.852.716
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	**2.328**	**2.225**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.860.573.296	37.978.550.726
Chi phí nhân công	17.710.840.567	14.979.619.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.481.547.499	1.414.235.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.377.461.042	44.170.380.982
Chi phí khác bằng tiền	31.798.104.789	20.132.105.116
Cộng	**154.228.527.193**	**118.674.891.320**

32. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là các tỉnh Miền Trung, Việt Nam.

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí giấy và chi phí công in là 2 khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí sản xuất. Đối với chi phí công in thì các nhà in chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nên giá cả ổn định, ít biến động. Đối với chi phí giấy, để đảm bảo tính ổn định giá thành sản phẩm, Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động giá để có phương án dự trữ nguyên vật liệu phù hợp. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng truyền thống của Công ty chủ yếu là các công ty Sách và Thiết bị tại các tỉnh, phát sinh giao dịch thường xuyên, tình hình thanh toán kịp thời nên Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

với nhóm khách hàng này. Đối với nhóm khách hàng đại lý, hiện nay tồn tại một số khoản nợ đã quá hạn thanh toán, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách tăng cường các biện pháp thu hồi nợ và trích lập dự phòng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty rủi ro tính dụng của Công ty ở mức kiểm soát được.

Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	34.440.473.113	-	34.440.473.113
Chi phí phải trả	28.448.415.800	-	28.448.415.800
Phải trả khác	28.803.025	-	28.803.025
Cộng	**62.917.691.938**	**-**	**62.917.691.938**

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	16.525.544.613	-	16.525.544.613
Chi phí phải trả	15.666.372.079	-	15.666.372.079
Phải trả khác	39.297.700	-	39.297.700
Cộng	**32.231.214.392**	**-**	**32.231.214.392**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.910.282.199	-	53.910.282.199
Đầu tư tài chính	15.080.600.000	1.350.000.000	16.430.600.000
Phải thu khách hàng	20.061.925.436	-	20.061.925.436
Phải thu khác	279.330.772	-	279.330.772
Cộng	**89.332.138.407**	**1.350.000.000**	**90.682.138.407**

01/01/2022	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.771.438.999	-	28.771.438.999
Đầu tư tài chính	16.149.600.000	1.350.000.000	17.499.600.000
Phải thu khách hàng	26.803.040.069	-	26.803.040.069
Phải thu khác	431.457.534	-	431.457.534
Cộng	**72.155.536.602**	**1.350.000.000**	**73.505.536.602**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Đơn vị phụ thuộc của Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Phát hành Sách Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In-PHS & Thiết bị Trường học Quảng Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. HCM	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

Mua hàng	Năm 2022	Năm 2021
Nhà xuất bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	184.870.539.124	91.267.839.431
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. HCM	4.380.165.581	5.105.891.980
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.697.632.034	3.400.196.265
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	6.365.185.492	4.887.998.125
Công ty CP Sách giáo dục tại Hà Nội	1.669.933.100	1.425.165.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	17.892.652.788	9.295.598.904
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	9.011.652.289	6.335.587.148
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	200.214.580	325.786.586
Công ty CP Học Liệu	615.600.000	2.076.654.000

Bán hàng	Năm 2022	Năm 2021
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	11.866.552.662	12.007.651.071
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Trị	29.449.068.426	24.007.633.820
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	561.036.500	758.569.223
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	178.887.500	198.725.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	286.329.191	142.202.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	853.930.190	129.214.740
Công ty CP Sách & Thiết bị Giáo dục Miền Trung	1.099.856.342	469.170.223

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao và lương của các thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2022	Năm 2021
Thù lao Hội đồng quản trị		**156.000.000**	**156.000.000**
Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch Công ty từ ngày 29/03/2021	48.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch Công ty đến ngày 29/03/2021	-	12.000.000
Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	36.000.000	36.000.000
Ông Ông Thừa Phú	Thành viên từ ngày 31/03/2022	18.000.000	-
Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên đến ngày 31/03/2022	6.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Bà Lê Ngọc	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát		**28.500.000**	**27.500.000**
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng		**1.842.783.849**	**2.022.717.500**

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Nghị quyết HĐQT số 02/2023/NQ-HĐQT ngày 03/02/2023 đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt là 15%. Theo đó, Công ty đã thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức năm 2022 vào ngày 24/02/2023, ngày thực hiện thanh toán cổ tức là 22/03/2023.

Ngoài ra không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu
Nguyễn Quang Dũng	Lê Ngọc	Nguyễn Hà Khiêm

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023